

Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát "j", và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát "j",

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát "j",

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100.

E-HSĐT được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được chuyển sang đánh giá về mặt tài chính khi: Có tổng số điểm đánh giá $\geq 70\%$ tổng số điểm tối đa và điểm của từng tiêu chuẩn đánh giá tổng quát phải đáp ứng quy định về số điểm tối thiểu của từng tiêu chí tổng quát (nếu có).

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
A	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	45	31,5
1	Tính Pháp lý và Uy tín của nhà thầu	13	9,1
1.1	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy, nổ <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i>	5	
	Không đáp ứng yêu cầu	0	
	Đáp ứng yêu cầu	5	
1.2	Uy tín của nhà thầu: Nhà thầu cam kết bằng văn bản không vi phạm các kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2015/NĐ-CP ngày 04/08/2025 và các văn bản cam kết theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</i>	5	
	Không có cam kết	0	
	Có cam kết bằng văn bản	5	
1.3	Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu hoặc xếp hạng tín nhiệm tài chính của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế. <i>* Trường hợp liên danh thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.</i>	3	
	Nhà thầu Không có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng hoặc có chứng nhận quản lý chất lượng nhưng hết hiệu lực	0	
	Nhà thầu có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực hoặc được xếp hạng năng lực tài chính theo tổ chức quốc tế	3	
2	Mức độ đáp ứng đối với công việc tương tự	12	8,4
2.1	Số lượng các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt hoặc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đối với tài sản thuộc lĩnh vực đường sắt mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn (80% thời hạn bảo hiểm của hợp đồng) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong khoảng thời gian từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu.	6	
	Dưới 01 hợp đồng	0	
	Từ 01 hợp đồng đến dưới 03 hợp đồng	2	
	Từ 03 hợp đồng trở lên	4	

	<p>* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng số hợp đồng của các thành viên trong liên danh. Các thành viên trong liên nộ cùng 01 hợp đồng giống nhau thì chỉ được tính là 01 hợp đồng. Trường hợp thành viên đứng đầu liên danh có hợp đồng bảo hiểm đáp ứng yêu cầu nêu trên thì liên danh được cộng thêm 2 điểm.</p> <p>* Trường hợp nhà thầu độc lập có hợp đồng bảo hiểm đáp ứng yêu cầu nêu trên thì được cộng thêm 2 điểm</p>	2	
2.2	<p>Số lượng các vụ việc nhà thầu đã hoàn thành giải quyết hoặc bồi thường lần 1 hoặc tạm ứng bồi thường đối với các tổn thất về bảo hiểm cháy, nổ (hoặc mọi rủi ro tài sản có nội dung bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc) có số tiền bồi thường từ 3 tỷ đồng trở lên trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>* Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh kèm theo: tài liệu thông báo bồi thường, thông báo chấp nhận bồi thường, chứng từ chứng minh đã thanh toán tiền bồi thường hoặc tài liệu pháp lý khác tương đương</p>	6	
	Dưới 01 vụ việc	0	
	Từ 01 vụ việc đến dưới 03 vụ việc	2	
	Từ 03 vụ việc trở lên	4	
	<p>* Trong trường hợp liên danh, được tính bằng tổng vụ của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên đứng đầu liên danh có vụ việc đã giải quyết tổn thất đáp ứng yêu cầu nêu trên thì liên danh được tính điểm như trên và được cộng thêm 2 điểm.</p> <p>* Trường hợp nhà thầu độc lập có vụ việc đã giải quyết tổn thất đáp ứng yêu cầu nêu trên thì được cộng thêm 2 điểm</p>	2	
3	<p>Mức độ đáp ứng về tài chính</p> <p>* Nhà thầu cung cấp báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán trong 03 năm 2022,2023,2024</p>	20	14
3.1	<p>Quỹ dự phòng nghiệp vụ tại thời điểm 31/12/2024</p> <p>* Trường hợp liên danh được tính bằng tổng Quỹ dự phòng nghiệp vụ của các thành viên trong liên danh.</p>	5	
	Dưới 500 tỷ đồng	0	
	≥ 500 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng	1	
	≥ 2.000 tỷ đồng đến dưới 4.000 tỷ đồng	2	
	≥ 4.000 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng	3	
	≥ 6.000 tỷ đồng	5	
3.2	<p>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2024</p> <p>(Cách tính Chỉ tiêu thay đổi vốn chủ sở hữu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ tài chính)</p>	5	

	<i>* Trường hợp nhà thầu liên danh, điểm kỹ thuật của nhà thầu liên danh được đánh giá theo thành viên có Chỉ tiêu tỷ lệ biên khả năng thanh toán cao nhất trong liên danh</i>		
	Dưới 100%	0	
	≥ 100% đến dưới 125%	1	
	≥ 125% đến dưới 150%	2	
	≥ 150% đến dưới 175%	3	
	≥ 175%	5	
3.3	Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của nhà thầu tại thời điểm 31/12/2024 (Cách tính Chỉ tiêu thay đổi vốn chủ sở hữu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ tài chính) <i>* Trường hợp nhà thầu liên danh, điểm kỹ thuật của nhà thầu liên danh được đánh giá theo thành viên có Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu cao nhất trong liên danh</i>	5	
	Dưới 0%	0	
	≥ 0% đến dưới 5%	1	
	≥ 5% đến dưới 7,5%	2	
	≥ 7,5% đến dưới 10%	3	
	≥ 10%	5	
3.4	Chỉ tiêu thay đổi vốn chủ sở hữu của nhà thầu tại thời điểm 31/12/2024 (Cách tính Chỉ tiêu thay đổi vốn chủ sở hữu tuân thủ theo quy định tại Thông tư 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ tài chính) <i>* Trường hợp nhà thầu liên danh: điểm kỹ thuật của nhà thầu liên danh được đánh giá theo thành viên có chỉ tiêu thay đổi vốn chủ sở hữu cao nhất trong liên danh</i>	5	
	Dưới -15%	0	
	≥ -15% đến dưới 0%	1	
	≥ 0% đến dưới 10%	2	
	≥ 10% đến dưới 15%	3	
	≥ 15%	5	
B	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM	55	38,5
1	Chương trình bảo hiểm (bao gồm thực hiện + thu xếp tái bảo hiểm + quy trình giải quyết bồi thường)	19	13,3
1.1	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu trong suốt toàn bộ thời hạn bảo hiểm: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu. - Sơ đồ thể hiện quy trình - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên	5	

	<p>quan: Người mua bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh sơ đồ thể hiện quy trình và sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan; - Tổ chức triển khai hướng dẫn người được bảo hiểm các điều khoản, điều kiện bảo hiểm, cách thức xử lý khi có tổn thất xảy ra (hướng dẫn thực hiện hợp đồng) - Quy trình gia hạn hiệu lực bảo hiểm; Phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn. Cam kết mức phí bảo hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn không được vượt quá mức phí và tỷ lệ phí theo hợp đồng đã giao kết. 		
	Nhà thầu không đề xuất trình bày quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu	0	
	Nhà thầu có đề xuất trình bày quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu không đầy đủ rõ ràng, chi tiết các nội dung theo yêu cầu.	3,5	
	Nhà thầu đề xuất và trình bày quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu đầy đủ rõ ràng, chi tiết các nội dung theo yêu cầu	5	
1.2	<p>Quy trình về giải quyết bồi thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có Sơ đồ thể hiện quy trình, Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập; Tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường khi phát sinh sự kiện bảo hiểm; thời gian tối đa từng giai đoạn, thời gian thông báo bằng văn bản khi xảy ra tổn thất theo quy định. - Quy trình giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận 	5	
	Không có quy trình về giải quyết bồi thường bảo hiểm cho gói thầu	0	
	Nhà thầu có quy trình về giải quyết bồi thường bảo hiểm cho gói thầu nhưng không cụ thể rõ ràng, không đầy đủ thông tin, không đáp ứng quy định, không phù hợp với gói thầu đang xét, không đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	3,5	
	Nhà thầu có quy trình về giải quyết bồi thường bảo hiểm cho gói thầu rõ ràng đầy đủ nội dung và thể hiện được mối liên hệ giữa các bên liên quan đến gói thầu. Tài liệu hướng dẫn thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung, có thời gian giải quyết đối với từng giai đoạn, giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	5	

1.3	Thời gian thanh toán bồi thường, trả tiền bảo hiểm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm	3	
	≥ 15 ngày	1	
	< 15 ngày	3	
1.4	Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với gói thầu	3	
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất từ 05 công ty giám định độc lập trở xuống	1	
	Nhà thầu đề xuất trên 05 công ty giám định độc lập	3	
1.5	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất	3	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường ≤ 55%	1	
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường > 55%	3	
2	Yêu cầu về bảo hiểm	10	7
2.1	Yêu cầu về bản chào phí bảo hiểm bao gồm: điều kiện, điều khoản bảo hiểm, nội dung chi tiết điều các điều khoản bổ sung của nhà thầu, dự thảo hợp đồng bảo hiểm	5	
	Không có Bản chào phí bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	0	
	Có Bản chào phí bảo hiểm nhưng không đầy đủ nội dung theo yêu cầu hoặc không đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3,5	
	Có Bản chào phí bảo hiểm đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu và quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5	
2.2	Tỷ lệ phí, phí bảo hiểm và mức khấu trừ	5	
	Không tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	0	
	Tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	5	
3	Yêu cầu về thu xếp chương trình bảo hiểm	20	14
3.1	- Có chương trình thu xếp bảo hiểm, trong đó + Nêu chi tiết tên và tỷ lệ từng nhà tái bảo hiểm (nếu có), tỷ lệ giữ lại của nhà thầu. + Nêu rõ tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu của gói thầu (nếu có) + Thu xếp đủ 100% số tiền bảo hiểm của gói thầu	5	
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	0	
	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	5	

3.2	<p>Mức giữ lại tối đa</p> <p><i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i></p>	5	
	>10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024	0	
	≤ 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024	5	
3.3	<p>Xếp hạng tín nhiệm tài chính của Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu bởi Standard & Poor hoặc được xếp hạng tương đương bởi các tổ chức xếp hạng khác như A.M.Best, Moody's, Fitch... cho năm tài chính gần nhất.</p> <p><i>* Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm.</i></p> <p><i>* Trường hợp chương trình thu xếp bảo hiểm của nhà thầu không có nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài theo sau nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này.</i></p> <p><i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này</i></p>	5	
	Xếp hạng của Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm dưới mức "B++" theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	0	
	Xếp hạng của Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm từ mức "B++" trở lên theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	5	
3.4	<p>Nhà thầu cung cấp Bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm đứng đầu (Bản chào tái bảo hiểm tạm thời/Cam kết tái bảo hiểm đối với công ty tái bảo hiểm trong nước/Bản xác nhận hợp đồng tái cố định/Hợp đồng tái cố định)</p> <p><i>* Trường hợp nhà thầu giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này.</i></p>	5	

	Không có bản xác nhận	0	
	Có bản xác nhận	5	
4	Phạm vi, điều kiện bảo hiểm	6	4,2
4.1	Phạm vi bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3	
	Phạm vi bảo hiểm không đáp ứng yêu cầu tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	0	
	Phạm vi bảo hiểm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3	
4.2	Mỗi điều kiện, điều khoản bổ sung hoặc Giới hạn trách nhiệm (GHTN) do nhà thầu đề xuất có lợi cho Chủ đầu tư được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không quá 3 điểm (không kể điều khoản quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT). Mỗi điều khoản bổ sung bất lợi cho Chủ đầu tư sẽ bị trừ đi 01 điểm (không trừ điểm đối với các điểm loại trừ được nêu ra tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT)	3	
Tổng số điểm		100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

* Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên quy định tại mục 28.3 thuộc Chương I của E-HSMT. Nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải kê khai và đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐT về việc thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi làm cơ sở đánh giá, trong trường hợp nhà thầu không kê khai thì mặc định được hiểu là nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trường hợp liên danh ưu đãi được tính cụ thể như sau:

a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có).

b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn;

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu (Trong trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng nội dung này).

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn (*Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật được tính bằng tổng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật của toàn bộ các thành viên liên danh*).

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn (*Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là dân tộc thiểu số được tính bằng tổng số lao động là dân tộc thiểu số của toàn bộ các thành viên liên danh*).

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn (*Trong trường hợp liên danh: Số lượng lao động là nữ giới được tính bằng tổng số lao động là nữ giới của toàn bộ các thành viên liên danh*).

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không áp dụng

